

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27-3-2020.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Nhi, bà Phạm Thị Phiến.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thủy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1979; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 3, khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt, có đơn xin vắng).

Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm: 1977; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ 3, khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 12 năm 2019 và bản tự khai ngày 06 tháng 01 năm 2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Bà C và ông Phan Văn H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Bà C và ông H chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn H.

Về con chung: Bà C và ông H có 01 con chung là cháu Phan Đăng K, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2006. Vợ chồng ly hôn bà C yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, bà C không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án không có vi phạm về thủ tục tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Mâu thuẫn giữa bà C và ông H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

Về con chung: Bà C có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ là bà C. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà C, giao cháu K cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông H có nơi cư trú tại Tổ 3, khu phố S, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Đ thụ lý, giải quyết là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bà C, ông H. Bà C đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt hợp lệ. Ông H vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử... Tuy nhiên, ông H vẫn không đến Tòa án để làm việc và không tham gia phiên tòa. Việc ông H vắng mặt tại phiên tòa là tự mình từ bỏ quyền lợi của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà C, ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 69, quyển số: 01 ngày 25 tháng 8 năm 2005. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của bà C và ông H là hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ.

Xét tình trạng hôn nhân của bà C và ông H: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà C đều yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn H vì mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, ông H không chăm sóc gia đình, vợ con. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 25 tháng 02 năm 2020, Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ cũng xác định tình trạng hôn nhân của bà C, ông H là rất trầm trọng, vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau nhưng bà C, ông H đã ly thân từ năm 2018, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai người có cơ hội quay lại đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định tình trạng hôn nhân của bà C, ông H là rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà C.

- Về con chung:

Xét điều kiện nuôi con của bà C: Bà C là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Bà C có nhà và đang kinh doanh ở chợ Đ, thu nhập ổn định hàng tháng của bà là 30.000.000 đồng. Như vậy về điều kiện nuôi con thì bà C có đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu K, đảm bảo cho cháu có cuộc sống tốt nhất về mọi mặt.

Xét nguyện vọng của cháu K: Cháu K còn nhỏ, mới 14 tuổi, độ tuổi cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của bố, mẹ. Tại bản lời khai ngày 24 tháng 2 năm 2020 cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ là bà C. Xét nguyện vọng của cháu K là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”. Vì vậy, yêu cầu nuôi con của bà C được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài về nội dung vụ án là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 48, 227, 228, 147, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim C, cho bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Phan Văn H.

(Đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 69, quyền số: 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25 tháng 8 năm 2005).

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Nguyễn Thị Kim C, giao cháu Phan Đăng K, sinh ngày 19 tháng 10 năm 2006 cho bà Nguyễn Thị Kim C chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phan Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0025627, quyền số: 000513 ngày 06 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Bà C đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Phan Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP Đ;
- CCTHADS TP Đ;
- UBND xã T, huyện C
tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Ngô Ngọc Linh